**Bài 18: ÔN TẬP CHỦ ĐỀ THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Năng lực đặc thù:

- Tóm tắt một số nội dung chính đã học dưới dạng sơ đồ.

- Nhận biết được vai trò của các yếu tố cần cho sự sống, phát triển của thực vật, động vật và vận dụng vào giải quyết một số tình huống trong cuộc sống

\* Năng lực chung: năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

\* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm, tìm hiểu khoa học

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu:**  - GV hỏi:  + Thực vật cần yếu tố nào để sống và phát triển?(Thực vật cần đủ nước, chất khoáng, không khí,ánh sáng và nhiệt độ thích hợp để sống và phát triển.)  + Động vật cần yếu tố nào để sống và phát triển?( Động vật cần có thức ăn, nước, khí ô – xi, nhiệt độ và ánh sáng thích hợp để sống và phát triển)  + Chăm sóc cây trồng, vật nuôi cần chú ý điều gì?( Khi chăm sóc cây trồng, vật nuôi cần chú ý thực hiện đúng cách, đảm bảo các nhu cầu sống và điều kiện sống phufb hợp giúp cây trồng vật nuôi sống và phát triển tốt) | - HS suy ngẫm trả lời.  **-** HS suy ngẫm. |
| - GV giới thiệu- ghi bài |  |
| **2. Thực hành, luyện tập:**  **HĐ 1: Đọc thông tin trong hình 1 và trình bày tóm tắt các nội dung đã học:** |  |
| - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập | - HS đọc yêu cầu |
| - Yêu cầu HS thảo luận nhóm làm bài trên phiếu bài tập  - Mời đại diện các nhóm chia sẻ | - HS thảo luận nhóm 6  - Đại diện nhóm chia sẻ, lớp lắng nghe và bổ sung |
| - GV cùng HS rút ra kết luận: Sự trao đổi chất với môi trường của thực vật và động vật | - HS lắng nghe, ghi nhớ. |
| \* Thực vật tự tổng hợp chất dinh dưỡng từ khí các – bô – níc, nước, các chất khoáng nhờ khả năng kì diệu của lá cây( quang hớp); động vật cần lấy thức ăn từ thực vật, động vật khác làm nguyên liệu để tổng hợp chất dinh dưỡng cần cho sự sống; thực vật thu nhận khí các – bô – níc và thải khí ô – xi khi quang hợp, nhưng khi hô hấp lại nhận khí ô – xi và thải ra khí các – bô – nic ; động vật thu nhận khí ô – xi và thải ra khí các – bô – nic. |  |
| **HĐ 2: Cho HS làm việc với vở BTTH( nếu trường có vườn trường cho HS làm việc với thực tế)**  - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân với vở BTTH( hoặc thực tế ngoài vườn trường).  - GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm hoàn thành BT.  - GVmời đại diện nhóm chia sẻ trước lớp. | - HS làm việc cá nhân với vở TH  - HS thảo luận chia sẻ trong nhóm.  - Đại diện nhóm chia sẻ. |
| - GV cùng HS rút ra kết luận:  \* - Vị trí B cây con có thể sẽ phát triển tốt: đất tơi xốp, đảm bảo ánh sáng, nước, không khí, chất khoáng, nhiệt độ thích hợp cho cây phát triển  - Vị trí cây con sẽ không hoặc kém phát triển thường thiếu hoặc điều kiện không thích hợp với một hoặc một số yếu tố cần cho sự sống và phát triển của cây bao gồm A, C,D, E vì : Vị trí A: Các yếu tố cần thiết không tốt bằng vị trí B; C: đất sỏi đá thiếu nước và chất khoáng; D: nơi tỏa nhiệt nóng của điều hòa  -> nhiệt độ cao;E:dưới tán cây thiếu ánh sáng. | - HS lắng nghe, ghi nhớ. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm:** |  |
| - Thực hiện chăm sóc vật nuôi, cây trồng ở gia đình. | - HS thực hiện |
| - Nhận xét tiết học. | - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY :**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Bài 22: ÔN TẬP CHỦ ĐỀ NẤM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Năng lực đặc thù:

- Tóm tắt được những nội dung chính đã học dưới dạng sơ đồ.

- Vận dụng được kiến thức về nấm vào cuộc sống hằng ngày.

\* Năng lực chung: năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

\* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm, tìm hiểu khoa học

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu:**  - GV hỏi:  + Em hãy nêu vai trò của nấm?( Nấm dùng làm thức ăn và lên men chế biến thực phẩm)  + Nấm có tác hại gì?( Nấm gây hỏng thực phẩm, gây độc)  + Khi học và tìm hiểu về nấm điều gì em cảm thấy thú vị nhất?(…một số nấm được dùng làm thức ăn có hình dạng màu sắc khác nhau. Lại có một số nấm có hại với đời sống của con người và sinh vật, trong đó có nhiều nấm gây hỏng thực vật và nấm độc.) | - HS suy ngẫm trả lời. |
| - GV giới thiệu- ghi bài |  |
| **2. Thực hành, luyện tập:**  **HĐ 1: Dựa vào sơ đồ hình 1, hãy nêu đặc điểm, các bộ phận, lợi ích và tác hại của nấm đối với đời sống của con người** |  |
| - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập | - HS đọc yêu cầu |
| - Yêu cầu HS thảo luận nhóm làm bài tập  - Mời đại diện các nhóm chia sẻ - GV cùng HS điều chỉnh những nhận xét sai. (\* + Đặc điểm: nấm rất đa dạng. Nấm có hình dạng, kích thước, màu sắc và nơi sống rất khác nhau(đất ẩm, rơm rạ mục, thức ăn, hoa quả); Nấm mũ thường có một số bộ phận như mũ nấm, thân nấm và chân nấm.  + Ích lợi: Một số nấm được dùng làm thức ăn có hình dáng, màu sắc khác nhau; Nấm men được dùng trong chế biến thực phẩm tạo ra các sản phẩm lên men như bánh mì, rượu, bia,…  + Tác hại: Một số nấm có hại với đời sống của con người và sinh vật. Trong đó có nhiều nấm gây hỏng thực phẩm như nấm mốc và nấm độc.) | - HS thảo luận nhóm 6  - Đại diện nhóm chia sẻ, lớp lắng nghe và bổ sung  - HS lắng nghe, ghi nhớ. |
| **HĐ 2: Cho HS làm việc phiếu bài tập**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm làm bài trên phiếu bài tập.  - GV mời đại diện nhóm chia sẻ | - HS đọc yêu cầu  - HS làm việc nhóm với phiếu bài tập  - Đại diện nhóm chia sẻ. |
| - GV cùng HS rút ra kết luận:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Tên nấm** | **Nơi sống** | **Ích lợi hoặc tác hại** | | 1 | Nấm rơm | Rơm,rạ mục | Làm thức ăn | | 2 | Nấm sò | Thân cây khô | Làm thức ăn | | 3 | Nấm tai mèo (mộc nhĩ) | Gỗ mục | Làm thức ăn | | 4 | Nấm mốc | Thực phẩm lâu ngày,tường ẩm,… | Gây hại thực phẩm, gây hỏng đồ dùng | | 5 | Nấm men | Trên trái cây và quả mọng, trong dạ dày của động vật và trên da,… | Dùng trong chế biến thực phẩm | | 6 | Nấm độc đỏ | Trên đất, cây mục,… | Gây độc nếu ăn phải |     **HĐ 3:Nêu cách bảo quản phù hợp để tránh nấm mốc cho những thực phẩm ở hình 2.**  - GV cho HS quan sát các thực phẩm trong hình 2.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm làm bài tập.  - GV mời đại diện nhóm chia sẻ  - GV cùng HS rút ra kết luận.  \* + Bảo quản lạnh: thịt chân dò muối, xúc xích, cơm.  + Sấy khô: nho, nấm, lạc ,cơm  + Hút chân không( để ở nhiệt độ phòng trong một khoảng thời gian ngắn): nho, nấm, lạc. | - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS quan sát hình 2.  - HS làm việc nhóm  - Đại diện nhóm chia sẻ. - HS lắng nghe, ghi nhớ. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm:** |  |
| - Thực hành bảo quản thực phẩm trong gia đình, ghi lại cách bảo quản và kết quả bảo quản | - HS thực hiện |
| - Nhận xét tiết học. | - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

https://www.facebook.com/groups/vnteach/

https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/